

Số: 52/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 06 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 317/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm: 1982.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm: 1985.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1950;

2. Bà Lê Kim T, sinh năm: 1954.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hải Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hải Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hải Đ và chị Nguyễn Thị Tuyết N thống nhất giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày 06/10/2005 và Nguyễn Hải Đ1, sinh ngày 14/4/2009 (hiện 02 cháu đang sống chung với anh Đ) cho anh Đ tiếp

tục nuôi dưỡng, chị **N** không cấp dưỡng nuôi con do anh **Đ** không yêu cầu. Chị **Nguyễn Thị Tuyết N** có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh **Nguyễn Hải Đ** và chị **Nguyễn Thị Tuyết N** thống nhất giao cho anh **Đ** sử dụng diện tích đất 3.502,7m² (đo đạc thực tế diện tích 3.502,7m² trong phạm vi các mốc từ M7 – M8 – M9 – M10 – M11 – M12 – M1 – M4 – M5 – M6 trở về mốc M7), thuộc thửa đất số 600, tờ bản đồ số 04, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, do hộ bà **Nguyễn Thị Tuyết N** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được **UBND huyện T**, tỉnh **Đông Tháp** cấp ngày 15/01/2021 cho anh **Đ** quản lý, sử dụng, anh **Đ** đồng ý giao lại ½ giá trị đất cho chị **N** số tiền 76.317.500đ, đất tọa lạc tại **ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đông Tháp** (Kèm theo 02 sơ đồ đo đạc hiện trạng đất của **Công ty TNHH D** ngày 21/12/2022).

Anh **Nguyễn Hải Đ**, chị **Nguyễn Thị Tuyết N** được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Anh **Nguyễn Hải Đ** tự nguyện chịu đã nộp và chi xong.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

+ Anh **Nguyễn Hải Đ** đồng ý nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình và phải nộp án phí chia tài sản 1.908.000 đồng sơ thẩm, tổng cộng 2.058.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.208.000 đồng theo biên lai thu số 0014320, quyển số 0287 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh **Đông Tháp**. Hoàn trả cho anh **Nguyễn Hải Đ** 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh **Đông Tháp**.

+ Chị **Nguyễn Thị Tuyết N** không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Giang

